

Ảnh Hưởng Vương Quốc Lào Trong Cuộc Chiến Việt Nam.

Đặng Kim Thu, K19

Ban Biên Tập: Bài viết trình bày các dữ kiện liên quan đến một giai đoạn đầy khó khăn của miền Nam Việt Nam vào cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960. Xin dành quyền nhận xét các nhân vật lịch sử cho quý vị độc giả.

Theo thông lệ của nền hành chánh và chính trị nước Mỹ, vị tổng thống sắp mãn nhiệm, trước khi bàn giao quyền lại cho người kế nhiệm, sẽ nói với người kế nhiệm về những vấn đề nghiêm trọng nhất mà nước Mỹ phải đối phó.

Vài ngày trước khi tuyên thệ nhậm chức, tân Tổng Thống Kennedy được Tổng Thống mãn nhiệm Eisenhower nhấn nhủ về tình hình an ninh thế giới. Khi đề cập đến vùng Đông Nam Á (ĐNA), Tổng Thống Eisenhower khuyên TT Kennedy hãy chú ý đến Lào. Ông nói:

- Lào tuy là một nước nhỏ về mọi mặt, nhưng có một địa thế chính trị quan trọng ở toàn vùng ĐNA.

Cho đến năm 1961, tình hình chính trị của Vương Quốc Lào trở nên phức tạp, với địa thế dù phủ đầy núi rừng hiểm trở, nhưng rất quan trọng về chiến lược ở Đông Dương, nên các cường quốc đã đổ mắt vào. TT Eisenhower đã ví Lào như một con cờ “domino”, nghĩa là nếu thế giới tự do để Lào rơi vào tay cộng sản thì sẽ ảnh hưởng dây chuyền đến các quốc gia trong vùng ĐNA.

Trong 2 năm 1961-1962, tình hình ở Lào được dư luận báo chí Mỹ nhắc đến nhiều hơn tình hình Việt Nam. Theo tác giả Christopher Robbins thì nội trong năm 1961, báo NewYork Times có 28 cột báo viết về Lào, trong khi đó chỉ có 8 cột viết về VN.

Giống như VN, Lào là thuộc địa của Pháp cho đến khi được trao trả độc lập theo Hiệp Định Genève vào năm 1954. Lúc bấy giờ, nước Lào có ba hoàng tử đang chi phối tình hình chính trị của quốc gia này. Đó là các ông hoàng Souphanouvong, Souvana Phouma, và Phoumi Nosavan. Mặc dù là anh em



Pathet Lào, 1960.

nhưng ba người này cùng cha khác mẹ, không có chung một ý thức hệ, cũng như đời sống xã hội không giống nhau. Souphanouvong có vợ người Việt và có xu hướng thân cộng.

Souvana Phouma có vợ người Pháp, chống cộng, nhưng thích hô hào trung lập. Còn hoàng thái tử Phoumi Nosavan tuy tuyên bố muốn thấy Lào độc lập, nhưng trong thâm tâm muốn được thay thế cha lên làm vua. Như vậy, từ bên gia đình hoàng tộc Lào đã có sự phân hoá. Những phân hoá này là duyên cớ cho ngoại bang tranh giành ảnh hưởng ở Lào về sau này.

Souphanouvong với khuynh hướng thiên cộng được sự

hỗ trợ của Cộng Sản Việt Nam (CSVN), vì thế chánh phủ CSVN công nhận Souphanouvong là Tổng Tư Lệnh Quân Đội Vương Quốc Lào. Để đổi lại, Souphanouvong cho phép cố vấn quân sự CSVN hiện diện trên đất Lào. Liên hệ giữa Souphanouvong và Hà Nội đã gắn chặt từ đó. Ngay từ tháng 9 năm 1945, Việt Minh đã đưa ra quân đội Pathet Lào kiểm soát một phần lãnh thổ để dễ bề thao túng. (Cũng giống như sau này Bắc Việt đưa ra cái gọi là “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam”.) Nay CSVN có thêm đồng minh và chiến trường không còn bị giới hạn trong lãnh thổ VN.

Đến giai đoạn này Lào có ba lực lượng tranh dành ảnh hưởng: phe Souphanouvong thân cộng sản, phe Souvana Phouma trung lập, và phe Phoumi Nosavan thân Mỹ.

Hiệp định Genève 1954 về Đông Dương đem một may mắn đến cho Pathet Lào, vì theo hiệp định này Pathet Lào được tạm thời tập trung về hai tỉnh miền Đông Bắc Lào là Phong Saly và Sầm Nứa, sát ngay biên giới Bắc Việt. Nhưng sau thời gian tạm thời đã hết hạn, quân Pathet Lào đã chiếm luôn các cơ sở hành chánh và giáo dục nơi họ tạm trú, rồi nhập vào đời sống với dân địa phương, xây dựng hạ tầng cơ sở, chờ cơ hội thuận lợi nổi dậy cướp chính quyền của Lào. Nhờ viện trợ và cố vấn của CSVN, lực lượng Pathet Lào mau chóng lớn mạnh về phương diện quân sự, khi so sánh với lực lượng quân sự của hai phe kia.

Đầu thập niên 1960, áp lực của Pathet Lào và CSVN hầu như lấn áp lực lượng của Chính Phủ Hoàng Gia Lào, ở các tỉnh Sầm Nứa, Phong Sally, Muong Luong, Nam Tha,..

Từ cuối năm 1960 cho đến khi Hiệp Định Genève về Lào năm 1962, tình hình chính trị ở Lào thay đổi rết với 2 phe thân cộng và chống cộng. Pathet Lào coi CSVN và Trung Cộng như hai đàn anh bảo trợ, Phoumi Nosavan thân Mỹ. Souvana Phouma trước đây trung lập, bây giờ lại nghiêng về phía cộng sản.

Sự hiện diện của các cố vấn quân sự CSVN ở Lào, gây nên nhiều biến chuyển chính trị nội bộ Lào, làm ảnh hưởng luôn chính trị thế giới.

Tháng 9 năm 1960, Đại Úy Khong Le -Tiểu Đoàn Trưởng Nhảy Dù, bất mãn trước những bất lực của Chính Phủ Hoàng Gia Lào, đã đảo chánh bắt giữ các dân biểu Quốc Hội Lào, ép buộc Quốc Vương Lào phải giải nhiệm Thủ Tướng Phoumi Nusavan, và bổ nhiệm Souvana Phouma trung lập làm thủ tướng. Thủ Tướng Souvana liền tuyên bố chính phủ Lào sẵn sàng thương lượng với Pathet Lào. Tức thời, Nga và Trung Cộng lên tiếng ủng hộ sáng kiến của Souvana.

Về phía Hoa Kỳ, các nhà ngoại giao đã biết rằng Thủ Tướng Souvana đã nghiêng về phía tả, nên Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ và CIA hỗ trợ cựu Thủ Tướng Phoumi từ tỉnh Savanakhet về chiếm lại thủ đô Vientiane. Sau đó, Phoumi đề nghị vua Lào bổ nhiệm hoàng tử Boun Oum làm thủ tướng. Do có nhiều liên lạc với giới quân sự và chính trị Tây phương, nên Phoumi được sự ủng hộ của Hoa Kỳ ngay lập tức. Sau khi rút lui khỏi thủ đô Lào, Khong Le kéo quân về cánh đồng Chum. Đối phó lại, Trung Cộng và Nga lên tiếng tiếp tục ủng hộ Souvana và Khong Le.

Do sự xúi dục của ngoại bang, ba phe đối lập ở Lào kinh chống nhau, tranh dành ảnh hưởng qua các biện pháp quân sự và chính trị. Cho đến đầu năm 1962, nội bộ của Lào bị khủng hoảng trầm trọng, thu hút quan tâm của các cường quốc thuộc hai khối tự do và cộng sản, biến cuộc nội chiến Lào đượm màu sắc quốc tế.

Thực ra không phải đợi đến năm 1962, mà bắt đầu từ cuối 1959, ba cường quốc Mỹ, Nga, và Trung Cộng đã găm gù, xâu xé nhau để dành ảnh hưởng về những quyền lợi mà họ muốn có ở Lào. Về phía người Mỹ, Tổng Thống Eisenhower đã tuyên bố rằng nước Lào như một con cờ “domino” quan trọng, nếu để ngã thì nó sẽ kéo theo sự sụp đổ của các quốc gia

tự do vùng ĐNA. Chính vì thế, giới quân sự Mỹ tìm mọi cách xâm nhập vào Lào dành chỗ đứng.

Vì Hiệp Định Genève về Lào không cho phép có sự hiện diện của quân đội nước ngoài nên Mỹ phải đem quân lính vào Lào theo một cách khác. Họ tạo ra một cơ quan, gọi là Phòng Thẩm Định Kế Hoạch, PEO (Program Evaluation Office) ở toà Đại Sứ Mỹ tại Lào. Cơ quan này thuộc bộ Ngoại Giao Mỹ. Nghe tên có vẻ dân sự, nhưng thực chất tất cả các nhân viên



Tổng Thống Hoa Kỳ Kennedy và Khrushchev của Nga đồng ý giải pháp trung lập ở Lào, 1961.

đều là các quân nhân chuyên nghiệp. Họ mặc thường phục và được lệnh không có tác phong, hay thái độ quân sự khi đi ra đường.

Sau đó, Phoumi lên tiếng tuyên bố:

- Lào không nhất thiết phải tôn trọng những điều khoản trong Hiệp Định Genève 1954 về Lào.

Nghĩa là Lào có quyền nhận cố vấn quân sự từ nước ngoài. Với sự đồng ý của Phoumi, Hoa Kỳ thành lập một phái bộ cố vấn quân sự ở Lào (Military Assistance Advisory Groups – Laos), gọi tắt là MAAG-L. Kèm theo đoàn cố vấn là một toán

quân nhân thuộc Lực Lượng Đặc Biệt để huấn luyện quân đội Hoàng Gia Lào.

Đến khi Hiệp Định Genève 1962 được ký kết công nhận Lào trung lập, Hoa Kỳ buộc phải giải tán phái bộ cố vấn và toán huấn luyện quân sự.

Lúc đó, hai phe thân Mỹ và thân cộng liên tục tấn công nhau, cho đến khi các cường quốc quyết định can thiệp vào; đúng hơn là “nhúng tay” vào để chia chác quyền lợi chính trị của họ ở nước này. Họ thoả thuận mở lại Hội Nghị Genève. Trong lúc 3 phe của Lào đang bàn cãi ở Genève - Thụy Sĩ thì ở Thượng Lào, CSVN và Pathet Lào, với sự hỗ trợ của Trung Cộng, tấn công căn cứ Nam Tha của quân đội Hoàng Gia. Vào khuya ngày 2 tháng 5 năm 1962, mười ngày sau cuộc tấn công, Nam Tha thất thủ. Việc thất bại này đã gây chấn động trong giới lãnh đạo Hoa Kỳ.

Chỉ tám năm sau Hiệp Định Genève 1954, Lào bây giờ lại thành một gánh nặng cho Hoa Kỳ và các nước đồng minh. Hoa Kỳ to tiếng tuyên bố sẵn sàng dùng võ lực để bảo vệ Lào và ngăn chặn “làn sóng đỏ” đang tiến về ĐNA. Trong lúc cuộc thương thuyết đang diễn ra ở Genève, Tổng Thống Kennedy tuyên bố rằng nếu thương lượng không đem lại kết quả như ý muốn, Hoa Kỳ sẽ can thiệp bằng quân sự.

Tuy nhiên, đường lối đối phó của Mỹ với tình hình của Lào trong vài tháng sau đó cho thấy kế hoạch ngoại giao và quân sự của Mỹ đã hoàn toàn trái ngược với những lời tuyên bố trước đó của Mỹ, vì vậy đã gây nghi ngờ cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm về sách lược của Mỹ. Ông muốn tách dần ảnh hưởng của Mỹ từ lúc Hiệp Định Genève 1962 được ký kết. Ông Diệm luôn chống đối sự trung lập của Lào, vì sẽ bất lợi cho Việt Nam Cộng Hoà trong cuộc chiến đấu chống Cộng Sản Bắc Việt (CSBV). Theo ông, chính phủ trung lập Lào sẽ làm nơ, hoặc thiếu khả năng ngăn chặn CSBV chiếm cứ vùng lãnh thổ rừng rậm dọc biên giới Lào-Việt, rồi từ đó xâm

nhập người và vũ khí vào miền Nam VN.

Khi hội nghị Genève về Lào đang diễn ra, Tổng Thống Ngô Đình Diệm nhận thấy Việt Nam Cộng Hòa sẽ gặp nguy hiểm nếu như Lào bị trung lập hóa. Vì thế, ông đã cử ông Bộ Trưởng Ngoại Giao Vũ Văn Mẫu sang Thụy Sĩ trực tiếp gặp trưởng phái đoàn Mỹ Harriman để đề nghị chia đôi nước Lào ngang vĩ tuyến 17 (giống như Việt Nam), với lý do Việt Nam Cộng Hòa hi vọng sẽ kết hợp được với chính phủ phía Nam nước Lào (thân Tây Phương), ngõ hầu ngăn chặn hữu hiệu đường xâm nhập của cộng sản Bắc Việt vào miền Nam Việt Nam. Cuộc thảo luận tay đôi diễn ra rất gay go với những bất đồng không giải quyết được vì lập trường của hai bên rất khác nhau. Cuộc gặp gỡ chẳng đạt được kết quả gì, vì người Mỹ chủ trương trung lập hoá nước Lào để Mỹ rút chân ra.

Thị trấn Nam Tha bị thất thủ cho thấy quân đội Hoàng Gia Lào rất yếu kém về phương diện chiến đấu. Nam Tha thất thủ về tay Pathet Lào và CSBV dẫn đến một thoả hiệp tạm thời ở cánh đồng Chum, tháng 6-1962. Trong đó, ba phe Lào đều đồng ý không chấp nhận sự can thiệp bằng quân sự của nước ngoài vào nội địa Lào. Một tháng sau, ngày 23 tháng 7 năm 1962, ba phe Lào và 14 quốc gia đồng ý một hiệp ước chính thức, công nhận

“Lào là một quốc gia trung lập, với một chánh phủ liên hiệp có sự tham dự của ba phe Lào.”

Đây là sự thất bại của Hoa Kỳ, vì chính người Mỹ đã không muốn thấy Lào trung lập từ khi Hiệp Định Genève 1954 được ký kết tám năm trước đó. Dù đã từng lên tiến hăm he, đe dọa dùng biện pháp quân sự, nhưng cuối cùng Mỹ lại đồng ý cho Lào trung lập.

Trên mặt giấy tờ của hiệp định thì như vậy, nhưng tất cả các phe đối nghịch: Mỹ, Nga, Trung Cộng, và CSBV đều có những toan tính âm thầm.

Theo tài liệu của CSBV, trong hồi ký “Những Nẻo Đường

Kháng Chiến”, tướng CS Võ Bẩm viết rằng, sau khi liên quân Pathet Lào và bộ đội CSBV chiếm được thị trấn Tchepone và phi trường Thà Khổng hồi tháng 6-1962, họ nhận được quân trang, quân dụng tiếp tế từ máy bay Nga, cất cánh từ Vinh và Đồng Hới. Cũng theo hồi ký trên, dụng cụ truyền tin, vật liệu xây dựng đài phát thanh đầu tiên cho cái gọi là “Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam” từ những chuyến bay tiếp tế này.

Phía Mỹ cũng chẳng kém gì. Từ khi Hiệp Định Genève 1962 về Lào có hiệu lực, Hoa Kỳ cũng đã xây dựng cơ sở để bố trí quân đội tác chiến, nhưng hoạt động bí mật và trá hình mà chính phủ Mỹ luôn luôn phủ nhận sự hiện diện của họ. Sự thật là Mỹ yểm trợ cho một lực lượng hơn 30 ngàn người một cách bí mật, chưa kể những toán tình báo đặc biệt khác mà sự hiện diện của họ không có trên giấy tờ.

Trước đó một năm, Tổng Thống Kennedy đã cho phép CIA và Bộ Quốc Phòng mượn Vang Pao để thành lập một quân đội không nằm dưới quyền kiểm soát của Vương Quốc Lào, mà nằm dưới quyền điều khiển của Phòng Thẩm Định Kế Hoạch PEO. Phòng này là một cơ quan trá hình, nằm dưới dạng một bộ phận thuộc Bộ Ngoại Giao, nhưng thực ra của Bộ Quốc Phòng.

Dưới quyền điều khiển của PEO, những toán lực lượng đặc biệt huấn luyện lưu động cho những du kích H'Mong, Mèo, Mường... thuộc lực lượng của tướng Vang Pao, do ngân sách PEO đài thọ. Lực lượng của Vang Pao đã gây nhiều tổn thất nặng nề cho CSBV trong nhiều năm liền.

Nhưng khi sách lược của Mỹ thay đổi thì quyết tâm của Tổng Thống Kennedy cũng phải thay đổi. Các nhà hoạch định chính sách của Hoa Kỳ không còn coi mặt trận Lào là mặt trận quyết định tình hình chiến sự của Đông Dương, nên lúc phải quyết định về quận sự, Tổng Thống Kennedy bỏ chiến trường Lào và chọn chiến trường Việt Nam, trong ý nghĩ dồn mọi nỗ lực vào VNCH như một phòng tuyến “be bờ” mới sau Lào.

Tháng 5 năm 1962, Hạm Đội 7 trên đường đến bên Đông và vịnh Thái Lan, nơi Hoa Kỳ đang có một lực lượng hỗn hợp năm ngàn quân hiện diện. Cùng lúc đó, Tổng Thống Kennedy tuyên bố Hoa Kỳ muốn thấy Lào là một nước trung lập thật sự, và sẵn sàng dùng ảnh hưởng và sức mạnh quân sự của mình để



Tổng Thống Eisenhower và Ngoại Trưởng Dulles tiếp đón Tổng Thống Ngô Đình Diệm tại Washington, DC, Hoa Kỳ, năm 1957.

bảo vệ nền trung lập của Lào.

Nói thì như vậy, Hoa Kỳ có giữ được tình trạng trung lập của nước Lào hay không, khi mà chính phủ Lào có thành phần cộng sản trong đó? Bình luận gia Wesley R. Fishel rất am tường về ĐNA nói:

- Đường lối của Hoa Kỳ ở Lào là kết quả của một quyết định nhứt thời. Một kế hoạch mà chẳng có kế hoạch.

Đối với Tổng Thống Diệm, sau khi Lào trung lập và sau lời tuyên bố của Tổng Thống Kennedy, ông tỏ ra nổi giận. Ông mời Đại Sứ Mỹ Nolting tới dinh Gia Long để bàn về cách chấm dứt xung đột ở Lào. Tổng Thống Diệm nhắc đến những cuộc chiến tranh mà Hoa Kỳ dính liú vào, rồi bỏ nửa chừng. Ông không che dấu sự nghi ngờ của ông đối với Tổng Thống Kennedy, vì ông Kennedy không giải quyết được mâu thuẫn

giữa quân sự và ngoại giao, giữa lý tưởng và thực tế.

Tổng Thống Diệm nói thêm:

- **Một nước Cambodge (sau này đổi tên là Kampuchia) trung lập, thiên tả đã gây khó khăn cho VNCH. Bây giờ thêm Lào trung lập thì chẳng khác nào người Mỹ muốn mở ngõ cho CS lập thêm nhiều căn cứ sát biên giới chúng tôi, để dễ dàng tấn công chúng tôi.**

Đại Sứ Nolting trấn an Tổng Thống Diệm:

- Thưa Tổng Thống, Ngài hãy an tâm. Khi chúng tôi chấp nhận cho Lào trung lập, chúng tôi cũng đã dự trù các kế hoạch hành động, để bảo vệ đất nước của ngài trong mọi hoàn cảnh.

Ông nói thêm:

- **Mặc dù vẫn dựa theo nguyên tắc chủ quyền quốc gia, nhưng quan hệ giữa các nước siêu cường vẫn là yếu tố then chốt cho sự ổn định của thế giới.**

Cho nên sau khi Lào trung lập và sau lần nói chuyện với Đại Sứ Nolting, Tổng Thống Diệm đã nghĩ tới một đường lối, chính sách riêng xa dần quỹ đạo của Mỹ. Đó là nguyên nhân dẫn đến cuộc chính biến ngày 1 tháng 11 năm 1963, dẫn đến cái chết bi thảm của hai anh em gia đình họ Ngô.

Chính trị là thế đó!



Cho Em Hỏi???

Lê Kim Nga, K27/1

Cho em hỏi... Nếu thời gian quay lại
Anh có còn chọn binh nghiệp nữa không?
Có khát khao ấp ủ đến cháy lòng
Miệt mài học quyết tâm vào Võ Bị

*Cho em hỏi... Tân khoá sinh thuở ấy
Có bàng hoàng anh ngỡ ngàng hãi kinh
Ôi! Chạy, nhảy, bò, lăn với những sinh
Nhức buốt lạnh của khí trời Đà Lạt*



Cho em hỏi... Tám tuần liền hành xác
Tiếng kèn vang hót hoảng sáng tinh mơ
Kinh khủng quá! Bao hình phạt đang chờ
Anh có biết mình đang cần trui luyện?

*Cho em hỏi... Bao hình phạt tác chiến
Hình phạt nào làm nhớ mãi không quên
Từng hình dáng, lời nói, đến cái tên
Vẫn theo anh một đời nghe thương quá!*

Cho em hỏi... Trong giờ nơi Phạn Xá
Anh có buồn, luyến tiếc đến tái tê
“Từ Giã Kinh Thành”... nức nở nã nê
Hoà lẫn tiếng quát, “hung thần” gầm thét

*Cho em hỏi... Những điều em chưa biết
Thơ “từ đào”, ớt, chuối, những khóc cười...
Kể đi anh, bởi đó là cuộc đời
Hành trang đẹp cho một thời tuổi trẻ*

Cho em hỏi... Hỏi một lời thật khế
Có bùi ngùi khi nhắc chuyện ngày xưa
Có băng khuâng từng kỷ niệm vui đùa
Để chợt nhớ những điều em muốn hỏi.



Phục Vụ Trong Quân Chung Không Quân

Hồ Tấn Đạt, K21

Vào năm 71-72, Cộng Sản Bắc Việt tăng cường quân số và chiến cụ tối tân đưa từ Bắc vào tấn công khắp nơi trên lãnh thổ miền Nam, khiến những trận đánh khốc liệt, kinh hoàng giữa hai bên diễn ra khắp trên 4 vùng chiến thuật. Khi Hoa Kỳ, chuẩn bị rút quân, giao lại căn cứ Sóc Trăng cho VNCH, Quân Chung Không Quân đã thành lập 2 phi đoàn trực thăng (PĐTT) 225 và 227 để thay thế 2 phi đoàn của Mỹ. Vì thế, tôi và các phi công từ các Phi Đoàn 211, 213, 215, và 217 được chuyển về thành lập Phi Đoàn 225 do Th/Tá Lê Văn Châu (K16) làm Phi Đoàn Trưởng(PĐT). Phi Đoàn 227 thành lập sau vài tháng do Th/Tá Trần Châu Rét (K16) làm PĐT. Phi Đoàn 225 được chia làm 4 phi đội (flight): 3 phi đội trực hành quân 5 ngày liên tục, phi đội còn lại đi phép 2 ngày. Trong thời gian này, tôi bay với tư cách là trưởng phi cơ của chiếc C&C khi hành quân đổ quân.

Một hôm đi phép trên đường từ Sài Gòn về lại Sóc Trăng, tôi nghe báo cáo trên tần số, như sau: Trưa nay một chiếc L19

bi SA7 bắn rớt gần biên giới Mộc Hoá và Kampuchia. Phi Đoàn 227 được điều động đưa 1 chiếc rescue và 2 gunship(s) đến tìm... 3 chiếc TT bay được vài vòng trên mục tiêu thì chiếc rescue của Đại Úy Minh bị SA7 bắn rớt. Hai gunship(s) nhào xuống cứu Đ/U Minh nhưng không cứu được bị phòng không bắn lên như mưa...

Khi nghe xong, tôi đã biết tình hình ở đây quá “hot” (nóng bỏng), mà ngày mai PĐ 225 chúng tôi đang trở về ST để thượng phiên hành quân chánh. Chắc chắn chúng tôi sẽ được điều động lên đây. Điều đó khiến tôi nghĩ ngợi miên man suốt đường bay về lại Sóc Trăng.

Về đến nơi, tôi vào phòng hành quân (PHQ) lo cất bay cho ngày hôm sau và không quên dặn dò sĩ quan trực khi nào có phi vụ lệnh từ phòng hành quân chiến cuộc vào buổi tối thì gọi cho tôi, để tôi nhận lệnh. Khoảng 8:30 tối, tôi được tin một chiếc AC119 từ Tân Sơn Nhất xuống thả trái sáng cho quân bạn cũng bị SA7 bắn gãy cánh trái. Máy bay rớt khiến cho tất cả phi hành đoàn bị tử trận. Nếu ngày hôm sau, tôi phải bay vào khu vực hành quân này và bay bình thường như mọi khi, nghĩa là bay vòng vòng trên mục tiêu với cao 2500 bộ, thì hoá tiền của VC sẽ không tha.

Đang miên man nghĩ cách bay như thế nào để đối phó với loại vũ khí quái ác này, thì điện thoại reo, tôi nhìn đồng hồ thì đã 10 giờ đêm. Tôi vội chạy lên PHQ nhận phi vụ, khi sĩ quan trực báo cho tôi biết đã có phi vụ lệnh. Đúng như tôi đoán trước, phi vụ lệnh cho biết ngày mai hợp đoàn đến sân bay Mộc Hoá trình diện Trung Đoàn 10, Sư Đoàn 7, với tần số, danh hiệu cụ thể vào lúc 7 giờ sáng,... Tôi trở về phòng lấy bản đồ xem địa thế và tiếp tục nghĩ cách phải bay như thế nào để tránh SA7 đuổi theo sức nóng của trực thăng (tầm nhiệt), cho đến khi tôi thiếp đi từ lúc nào không biết. Đến khi đồng hồ reo, tôi giật mình thức dậy làm công tác vệ sinh cá nhân, chuẩn bị cho một ngày không biết sẽ ra sao?

Đúng 7 giờ sáng, hợp đoàn 9 chiếc trực thăng, gồm: 1 C&C, 5 slicks (chở quân), 3 gunships đã có mặt tại phi trường Mộc Hoá. Chờ khoảng 10 -15 phút, một trung úy đến trao cho tôi tờ công điện, trong đó ghi rõ các chi tiết như: danh tính tiểu đoàn cần trực thăng vận, quân số, tần số, danh hiệu liên lạc, PZ(chỗ bốc quân), LZ (chỗ thả quân), v/v....

Tôi hỏi:

- Anh là người đi bay với tôi ngày hôm nay à?

- Dạ đúng.

Hỏi cho biết vậy thôi chứ với tình hình này đâu ai muốn đi bay. Tôi tập hợp hợp đoàn lại và thuyết trình về việc đổ quân và nhấn mạnh cho họ biết rằng:

1. Ngày hôm nay tôi không bay vô mục tiêu để thả trái khổi đánh dấu bãi đáp như mọi khi. Do đó, tôi sẽ thả trái khổi bên ngoài và cho gunship biết mục tiêu cách đó bao xa, hướng mấy giờ, có điểm gì để nhận dạng mục tiêu. Gunship bắn rocket vào chỗ đó và lead slick. Chú ý cho hợp đoàn đáp ngay, và 180 độ out (quay đầu trở ra)

2. Tất cả hợp đoàn ngày hôm nay bay rất thấp trên ngọn cây 5 đến 10 feet (raze mode). Gunship số 3 bay theo tôi. Lưu ý có khi thì tôi bay 4 đến 5 ngàn bộ rồi xuống 3 ngàn, quẹo phải rồi quẹo trái không có hướng nào nhất định cả. Nghĩ là tôi sẽ bay tùm lum lên xuống, quẹo phải quẹo trái bất thường.

Cuộc hành quân bắt đầu sau khi thuyết trình xong. Khi đó được 2 chuyến xuống LZ và cũng là lúc tôi quẹo gắt trên 90 độ, máy bay của tôi rung chuyển một cách lạ thường, có cảm tưởng như sắp nổ tung. Tôi bèn cắt ga làm auto từ cao độ khoảng trên 3 ngàn bộ rồi chúi đầu xuống. Trên tần số, tôi nghe Th/Tướng Nguyễn Khoa Nam, TL/SĐ7, gọi.

- Ác Điều 33, đây 601.

- Ác Điều 33, nghe 601 5/5.

- Tôi nghe tiểu đoàn trưởng báo cáo C&C bị SA7 bắn rớt.

Tình trạng anh như thế nào?

- Trình 601, hiện tại tôi vẫn còn control được và đang chuẩn bị đáp xuống đồn của Địa Phương Quân. Check máy bay xong, tôi sẽ báo cho 601 biết sau.

Kiểm soát toàn bộ không thấy có gì hư hỏng cả, tôi tiếp tục tham dự đổ quân. Khi trở lên vùng Tr/Úy Trần Văn Ri, bay chiếc gunship số 3, cho tôi biết là anh thấy SA7 bắn lên từ ngôi chùa Miên. Anh xin tôi cho vào bắn, nhưng tôi không đồng ý và khuyên anh Ri:

- Thôi bỏ đi. Nếu anh vô đó, VC bắn thêm vài trái trúng anh thì phiền lắm. Bỏ đi, Ri ơi!

May mắn, chúng tôi tiếp tục hoàn thành phi vụ trong bình an.

Tin Đ/Úy Hồ Tấn Đạt bị SA7 bắn hụt đã loan truyền đến Tân Sơn Nhất. Một hôm TLP/KQ Chuẩn Tướng Võ Xuân Lành xuống Sóc Trăng mời tôi ra phố ăn cơm trưa và hỏi:

- Nghe nói Đ/Úy có cách tránh được SA7. Anh có thể kể cho tôi nghe, để tôi nói với phòng Quân Huấn viết tài liệu để huấn luyện?

Tôi trả lời:

- Thưa Ch/Tướng, tôi có biết cách nào đâu. Chỉ bay lên xuống, quẹo trái quẹo phải tùm lum. May phước là vừa đúng vào lúc tôi quẹo là lúc... SA7 trượt ngang qua.

1. Chuyện SA7 và Cái Huy Chương:

Trong thời gian này, mỗi khi có phi tuần A 37 đánh ở đâu họ đều xin PĐ TT cung cấp toán rescue. Sau khi tôi đã đổi về PĐ mới đồn trú tại Cần Thơ, một hôm PĐ 255 được lệnh cung cấp 1 rescue và 2 gunships đến vùng Châu Đốc, Thất Sơn yểm trợ cho PĐ A37 oanh kích. Hôm đó PĐ tôi thiếu người cho nên tôi phải bay chiếc rescue cùng 2 chiếc gun, đến trình diện tại sân bay Chi Lăng nghe thuyết trình.

Tôi bay vòng vòng trên trời suốt buổi sáng. Các A37 đánh 3, 4 phi tuần nhưng chẳng có việc gì xảy ra. Đến trưa, tôi đáp trực thăng xuống để ăn. Sau đó, đáng lẽ ra tôi phải lên lại ngay, nhưng nghĩ tình hình yên tĩnh nên tôi định nằm nghỉ một chút. Tôi nói với hợp đoàn nhìn về phía các A7 đang bay, nếu thấy pilot nhảy dù thì kêu tôi. Tôi vừa giăng cái võng nylon, chưa kịp nằm, thì chiếc TT chở ông Tỉnh Trưởng Châu Đốc bay thấp ngang qua ra hiệu cho tôi quay máy. Đ/Úy Lai cho tôi biết chiếc A37 số 2 vừa mới bị bắn rớt, pilot nhảy dù cần rescue. Tôi nhờ anh Mevo cuốn giùm chiếc võng.

(Cũng cần nói rõ, máy bay trực thăng khi bay hành quân bắt buộc phải có 4 người gọi là phi hành đoàn: một trưởng phi cơ(captain), 1 hoa tiêu phó (copilot), 1 cơ phi (mevo) hay gọi là cơ khí phi hành, sửa chữa những hư hỏng nhẹ; một xạ thủ (gunner) lo sửa chữa trở ngại của 2 cây súng và 2 bó rocket nếu là gunship.)

Thế là tôi tăng ga cất cánh bay thấp, thẳng tới mục tiêu và tìm thấy anh thiếu úy phi công. Trong khi tôi đang đáp để đón anh phi công này thì trên tần số chiếc A37 số 1 và L19 đang la lối tìm rescue (trực thăng cấp cứu). Họ đang báo cáo về SĐ4/KQ là họ không thấy chiếc rescue nào cả. Nghe vậy tôi mới lên tiếng vì tôi đã im lặng vô tuyến ngay từ giờ phút đầu.

- A37 số 1, tôi đã pick up được số 2 rồi. Số 1 có muốn nói chuyện với số 2 không?

Tôi bảo anh Mevo cho viên phi công đó đó mượn helmet (mũ sắt) để liên lạc. Trên đường trở về phi trường Chi Lăng, tôi được lệnh chờ ở đó để đón Đ/Tá Cửa. Khi đến nơi, ông mời PHĐ của tôi gồm 4 người và viên thiếu úy mà tôi vừa mới bốc lên xe đi vào dinh tỉnh trưởng. Ông đã khui chai Remy Martin mời chúng tôi. Trong lúc nói chuyện ông hỏi tôi:

- Toa bay cách nào mà moa chưa tới vùng thì toa đã bốc được chú này rồi?

- Bay “cowboy” (như cao bồi) mà Đ/Tá.

Ông bảo tôi đưa cho ông số quân của mọi người. Ông hứa sẽ ký giấy ban thưởng mỗi người một Anh Dũng Bội Tinh với ngôi sao đồng. Chúng tôi từ giã Đ/Tá Tỉnh Trưởng Châu Đốc vào khoảng 7 giờ 30 tối. Trên đường về Cần Thơ, tôi suy nghĩ nếu mà không có chiếc TT của Đ/Tá Tỉnh Trưởng báo tin và tôi vẫn nằm nghỉ trưa thì không biết chuyện gì xảy ra??? Cám ơn trời Phật phù hộ.

2. Phi Vụ Tiếp Cứu PĐ Bạn:

Thông thường một đơn vị BB bị tổn thất quá nặng thì một đơn vị khác vào tiếp cứu, hay tiếp viện, nhưng trường hợp này ít xảy ra trên các cuộc hành quân trực thăng vận. Đối với trực thăng thì chỉ có tăng phái, nghĩa là gọi thêm vài ba phi hành đoàn hành quân chung với phi đoàn tại địa phương. Một thí dụ, để tăng cường cho chiến dịch đánh qua biên giới Miên của Tr/Tướng Đỗ Cao Trí, phi đoàn 213 tại Đà Nẵng đã gọi 5, 6 PĐ về nằm tại quận Hiếu Thiện, tỉnh Tây Ninh để hành quân chung với SĐ3/ KQ.



Trường hợp mà tôi đề cập sau đây có phần khác.

Cũng tại Sóc Trăng, hợp đoàn 9 chiếc thuộc PĐ 225 hành quân ở Cao Lãnh do tôi bay C&C, trong khi PĐ 227 gồm hợp đoàn 9 chiếc hành quân ở Vị Thanh do Đ/úy Nguyễn Chính Tâm bay C&C. Khoảng hơn 10 giờ trưa khi chúng tôi đang hành quân thì trên tần số tôi được lệnh đưa hợp đoàn về sân bay Vị Thanh trình diện trung đoàn 31 SĐ/21 BB. Tôi hơi thắc mắc, vì tôi biết ở đó có PĐ 227 đang hành quân mà... Cũng gần tới giờ cơm nên tôi bảo hợp đoàn nằm lại Cao Lãnh chờ

máy bay đem cơm đến, ăn cơm xong rồi về Vị Thanh gặp tôi.

Đáp tại phi trường Vị Thanh, tôi gặp ngay Đ/Tá Biết, Tr/Đoàn Trưởng 31/SĐ 21BB. Với vẻ mặt rất là lo âu, ông nói:

- Rất nguy hiểm, Đạt ơi! Mới đổ quân chuyển đầu mà bị bắn rớt và bắt khiến rụng hết 6 chiếc trực thăng. Hiện tại Đường đang bị bao vây. Bây giờ phải thả thêm Thành. Có thể phải cho Bình vào luôn.

Tôi nghe Th/Tá Đường, tiểu đoàn trưởng của Tr/Đ31 thì đúng, nhưng 2 TĐT kia là Th/Tá Nguyễn Hồng Thành và Th/Tá Nguyễn Công Bình, cùng K21 với tôi thuộc Tr/Đoàn 33. Nhưng tại sao hôm nay Đ/Tá Biết của 31 lại chỉ huy đổ quân? Tôi thắc mắc nhưng không hỏi, mà chỉ trình bày với Đ/Tá Biết rằng:

- Khi họp đoàn của tôi tới, xin Đ/Tá đừng tỏ vẻ căng thẳng. Xin mời C&C của Hợp Đoàn 227 tới cùng họp. Tôi cần biết hướng bay và vị trí mà quân bạn bị bắn. Đề nghị cho tôi sử dụng 2 chiếc gun và slick còn tốt. Nghĩ là tôi có tất cả 6 chiếc chở quân (slick) và 4 chiếc gunships. 2 chiếc gun yểm trợ 6 slicks bay theo đội hình (formation) 2 tam giác nối đuôi nhau. Tất cả bay thật thấp. Khi gần đến quân bạn, tôi sẽ thả trái khò và 180 độ out. Hai gun còn lại bay theo tôi.

Sau khi thuyết trình xong, chúng tôi bắt đầu đổ Tiểu Đoàn 3 của Th/Tá Thành. Tôi bay ở cao độ 3 ngàn 500 bộ cùng với 2 chiếc gun và tôi chỉ mục tiêu có thể tác xạ. Hợp đoàn slick vô tới vùng là lúc tôi và 2 gun từ trên cao chúi xuống, trong khi 2 gun với khẩu minigun 6 nòng tác xạ tối đa vào mục tiêu đã định. Với mục đích để cho VC chú ý chúng tôi mà không tấn công slick. Khi slick ra khỏi vùng thì chúng tôi lại lên cao.

Đ/Tá Biết ngồi phía sau chồm tới và bảo tôi,

- Chú mày xuống như vậy sẽ bị bắn rớt đó.

Tôi trả lời:

- Nếu Đ/Tá không muốn tôi bay như vậy thì tôi không tiếp

tục đồ quân, vì sẽ không an toàn cho máy chiếc slick. Hơn nữa, nếu có rớt thì chạy theo thẳng Đường. Cứ như thế, slick vô thì tôi xuống, slick ra thì tôi lên cao cho đến khi tôi đổ hết Tiểu Đoàn 3 và tiếp tế đạn cho Th/T Đường.

Đồ quân xong thì trời cũng đã nhá nhem tối. Đ/Tá Biệt muốn tôi đổ tiếp Tiểu Đoàn 1 của Th/Tá Bình đang nằm gần thị xã Vị Thanh. Tôi từ chối vì trời tối đồ quân rất nguy hiểm, nên để ngày mai đồ quân tiếp. Ông đồng ý.

Trên đường trở về phi trường Vị Thanh, tôi nghe ông gọi cho Th/Tá Lang vô hậu cứ lấy cây CKC đem ra sân bay cho ông. Khi tôi đáp, ông lấy cây súng đó tặng tôi.

Vài hôm sau vào một buổi chiều khi đi bay về. Khi tôi vừa vô phi đoàn, sĩ quan trực cho biết:

- Th/Tá Rét 227 mời 33 qua đó trình diện.

Về cất đồ, đi qua PĐ 227 thì tôi thấy nào là thịt nướng, bia rượu đầy đủ, trong khi các nhân viên rất vui vẻ. Th/Tá Trần Châu Rét, Phi Đoàn Trưởng, tuyên bố:

- Hôm nay, chúng ta có một buổi tiệc vui là để mừng cho cuộc hành quân ngày hôm trước. Tuy có tổn thất nhưng không có thiệt hại về nhân mạng. Cũng để chúc mừng Ác Điều 33 của PĐ 225 đã thành công trong phi vụ vừa rồi.

3. Xử Trí và Chỉ Huy:

Đầu năm 73, tôi lại bị chuyển về Bình Thủy, Cần Thơ thành lập phi đoàn mới PĐ 255, do Th/Tá Nguyễn Kim Hườn làm PĐT. Cũng giống các PĐ tân lập trước đây, một số hoa tiêu do các PĐ khác cung cấp.

Một hôm tôi đang chơi bida tại Câu Lạc Bộ Sĩ Quan tại căn cứ Sóc Trăng. Th/Tá Hườn đến hỏi và bảo tôi về Cần Thơ làm Trưởng Phòng Hành Quân (TPHQ) cho ông. Nghe đi làm TPHQ phi đoàn mới thì ón quá vì tôi đã quá cực với PĐ 225 rồi. Ở đây mọi việc đã đầu vào đó. Bây giờ về với ông tôi phải làm lại từ đầu, cho nên tôi đã từ chối.

Th/Tá Rết đã phân tích cho tôi sự khác nhau giữa hai chức vụ PĐP và TPHQ. Nếu cho tôi làm PĐP thì tôi sẽ không làm việc đúng mức như là TPHQ. Ngoài ra tôi cũng được Th/Tá Châu và Th/Tá Hồ Vọng Đông phân tích ưu khuyết điểm của từng công việc, lợi và hại khi về làm việc tại Cần Thơ. Th/Tá Đông, vốn là PĐP/ PĐ225 trước đó, đã về làm ở BTL/KQ thuộc khối Đặc Trách Trục Thăng.

Cuối cùng tôi đồng ý về Cần Thơ. Chắc có lẽ vì vậy mà tôi gặp được bà xã tôi bây giờ, vốn là em vợ của Th/Tá Huồn. Chúng tôi làm đám cưới tháng 12/ 74.

Một hôm PĐT, đi họp bên sư đoàn về, gọi tôi lên văn phòng cho biết là phi đoàn phải đưa một trưởng phi cơ ra Đà Nẵng thay cho 1 trưởng phi cơ được chuyển về phi đoàn. Khi được lệnh này, tôi rất bối rối vì phi đoàn mới thành lập chưa có thời gian để huấn luyện thì lấy đâu ra trưởng phi cơ mà đưa đi. Coi lại hồ sơ, tôi thấy có Đ/Úy Quốc mà tôi đã đưa xuống phi đạo làm” test pilot” và Đ/Úy Hòa là trưởng phi cơ. Tôi đã tập họp phi đoàn lại tổ chức một buổi bắt thăm, rồi làm văn thư chuyển Đ/Úy Hòa ra Đà Nẵng.

Phi đoàn trưởng liền kêu tôi và nói:

- Mày đưa nó đi là có chuyện đó. Nó là em vợ của Tướng Nguyễn Hữu Hạnh ở Cần Thơ mà Đ/Tá Ông Lợi Hồng, TLP/SD4 của mình, quen nhau rất thân. Không được đâu.

Tôi trả lời:

- Anh cứ chuyển chuyển. Nếu bị trở ngại thì tôi sẽ trả lời.

Độ vài tháng, sau khi Đ/Úy Hòa ra Đà Nẵng, PĐT tôi nói:

- Đó mày thấy chưa? Bây giờ ông kêu cho người khác, đưa thằng Hoà về.

- Vậy thì anh đưa tôi lên gặp ông, tôi sẽ trình bày sự việc. Có gì đâu.

Thế là anh Huồn và tôi lên văn phòng TLP. Anh vô trước tôi đứng ngoài chờ. Một lúc sau anh Huồn ra kêu tôi vào.

- Đ/Úy Hồ Tấn Đạt trình diện Đ/Tá.

Ông hỏi:

- Chú là người đưa Đ/Úy Hoà ra Đà Nẵng đó hả?

Tôi đã trình bày rất nhiều lý do là tại sao tôi phải làm như vậy, nhưng ông nhất định kêu tôi cho người khác thay thế.

Đứng trước tình trạng này tôi rất bối rối, nhưng thoáng một cái trong chớp mắt tôi nghĩ ra lý do nên đã mạnh dạn trình bày:

- Thưa Đ/Tá, tôi không tự động đưa Đ/Úy Hoà mà do anh ta bốc thăm trúng chữ “đi”, trước mặt các phi công của PĐ. Bây giờ Đ/Tá bảo tôi đưa người khác thế thì làm sao tôi còn tư cách để chỉ huy PĐ, kể cả chỉ huy những đơn vị khác sau này. Thôi thì Đ/Tá cho tôi ra Đà Nẵng thay cho anh Hoà về.

Ông nhìn 2 chúng tôi cau mày suy nghĩ:

- Thôi 2 chú về đi.

Chúng tôi đứng lên chào tay rời văn phòng TLP/SĐ4/KQ trở về Bình Thuỷ mà lòng thì không yên. Vài ngày sau, tôi nghe tin PĐ217 của Th/Tá Nguyễn Văn Vọng (K16) cho người thay thế anh Hoà. Tôi thở phào nhẹ nhõm.

**Hình đầu bài: Quân kỳ của Không Quân*

Vài nét tản mạn về

TÌNH BẠN

Trần Kim Bảng E/20

Một văn hào người Pháp thuộc trường phái Hiện-sinh, cũng là một triết gia, ông Albert Camus (1913-1960), người đoạt giải thưởng Nobel văn chương năm 1957, khi đề cập đến **tình bạn** đã nói rằng: “*Đừng đi trước tôi vì có thể tôi không theo bạn; đừng đi sau tôi vì có thể tôi không hướng dẫn bạn; mà hãy đi bên cạnh tôi để là bạn của tôi.*”

Nếu không cần tìm hiểu lời phát biểu này xảy ra trong hoàn cảnh nào, và tâm trạng của tác giả lúc đó ra sao, thì cứ coi đây là một ‘nhân sinh quan’ nói về tình bằng hữu của riêng ông. Hoặc nếu coi đây là một lời nhắn nhủ của ông đối với hậu thế, hoặc thế hệ đương thời trong cùng môi trường quan bình đẳng giữa những người bạn cầm bút như ông, thì có thể hiểu một cách đơn giản là: *Đừng làm thầy của tôi, cũng đừng làm học trò của tôi, mà hãy coi tôi là một người bạn.*

Albert Camus đã từng có ba năm (1934-1937) đứng trong hàng ngũ những người Cộng-Sản nhưng ông không ưa Mác-Xít và lên án Hồng Quân Liên-Xô tiến vào Hungari. Tuy cùng ở Trường Phái Hiện-Sinh nhưng ông không hoàn toàn cùng tư tưởng với Jean Paul Sartre và cho rằng, “*con người luôn tồn tại trong một chuỗi những phi lý.*”

Dù sao thì ‘nhân sinh quan’ của ông trong đó gói ghém *tình bạn* cũng đã... chỉ là quan điểm rất riêng tư của một nhà văn người Pháp nổi tiếng ở thế kỷ thứ 20. Ông không đại diện cho ai cả, ngoài chính ông.

Tuy cũng nói về **tình bạn**, nhưng ở thế kỷ thứ 19, trên văn đàn Việt Nam cụ Nguyễn Khuyến (1835-1909) lúc sinh thời đã sáng tác khá nhiều bài thơ nói về tình bằng hữu, chẳng hạn như bài Bác Đến Chơi Nhà: “*Đã bấy lâu nay bác tới nhà. Trề thì đi vắng chợ thì xa...*” Hoặc bài Thăm Hỏi Bác Châu Cầu Bị Lâm Cảnh Lụt Lợi: “*Ai lên nhắn hỏi bác Châu Cầu. Lụt lợi năm nay bác ở đâu?...*” Và có thể còn nhiều bài khác nữa, thế nhưng không có bài thơ nào được coi là nảo lòng, cảm động hơn bài thơ Khóc Bạn. Ngay câu đầu của bài thơ này, khi biết tin người bạn ‘đồng khoa’ là cụ Dương Khuê qua đời, cụ Nguyễn Khuyến đã thốt lên lời ai oán: “*Bác Dương thôi đã thôi rồi! Nước mây man mác ngậm ngùi lòng tôi!*”

Thay cho tiếng khóc, thương tiếc người bạn của mình -- trong toàn bài thơ -- cụ Nguyễn Khuyến đã dùng những ngôn từ hết sức mộc mạc để gửi đến người bạn quá cố, lời lẽ tuy bình dân nhưng thật sâu sắc thấm tình bằng hữu, vô cùng ý nhị, nhưng rất chân thành. Cụ đã kể lể cho người nghe nỗi lòng của cụ “*Từ thuở đặng khoa ngày trước*” cùng với người bạn Dương Khuê cho đến khi “*Tuổi già hạt lệ như sương*”. Nay người bạn của mình đã ra đi, mà mình thì tuổi già sức yếu, cho nên không còn ép ra nước mắt để khóc bạn được nữa; chỉ còn biết “*lấy nhớ làm thương*” mà thôi.

Thế nhưng, sự thương nhớ sâu đậm đến nỗi “*Rượu ngon không có bạn hiền. Không mua không phải không tiền không mua*”. Không mua là vì bạn không còn đến với tôi để cùng nâng chén ‘quỳnh tương’ được nữa. Và bạn không đến với tôi nữa, thì *thơ* tôi không viết nữa, *đàn* tôi không nghe nữa, và chiếc giường dành riêng cho bạn nằm nghỉ mỗi khi bạn đến nhà tôi chơi, tôi cũng treo nó lên: “*Câu thơ nghĩ đắn đo không viết. Viết đưa ai, ai biết mà đưa. Giường kia treo những hững hờ. Đàn kia gảy cũng ngán ngơ tiếng đàn!*” Tình thương mến dành cho người bạn Dương Khuê sâu đậm đến thế là cùng! Có lẽ trong văn đàn Việt Nam thời ấy, khi nói đến tình bạn thấm thiết như thế, thì chỉ có một mình Nguyễn Khuyến.

Cũng cần biết thêm, hai cụ Nguyễn Khuyến và Dương Khuê, tuy cùng được ghi tên vào “bảng vàng bia đá” vào thời phong-kiến Nhà Nguyễn ở nước ta, nhưng cụ Nguyễn Khuyến không thích tham gia công việc triều đình, mà thích “ở ẩn”; khác với cụ Dương Khuê vẫn còn làm việc cho triều đình. Tuy hai người có hai chí hướng khác nhau về ‘thời’ và ‘thế’, nhưng vẫn tâm giao, vẫn chí tình.

Trên đây là hai vị tiền bối: Albert Camus và Nguyễn Khuyến ở hai phương trời khác nhau, một ở thế kỷ 20 và một ở thế kỷ 19, đã cùng có suy nghĩ về *tình bạn* mặc dầu Camus chưa có bài nào viết riêng cho bạn. Thế nhưng bài viết này không có ý đưa ra những tiêu biểu để đề cao, cũng không có ý so sánh, hoặc phê phán tốt hay xấu giữa một người Phương Tây và một người Phương Đông, mà chỉ muốn nhắc lại ‘quan điểm sống’ hết sức riêng tư của hai người trên cùng một khía cạnh *bằng hữu*, ở hai phương trời hai thời đại. Khi nhắc đến mỗi cá nhân ở mỗi thời đại thì cũng phải lướt qua hoàn cảnh xã hội, hoàn cảnh địa lý và chính trị ở thời đại đó, vì nó đã gây ảnh hưởng không ít đến tâm lý, tình cảm của mỗi con người, trong đó có tình cảm dành cho bè bạn.

Hãy mừng tượng, ‘Cải Cách Ruộng Đất’ ở miền Bắc từ 1953 đến 1956 đã gây ra cái chết cho hàng trăm ngàn sinh linh vô tội bị vu cáo là “địa chủ ác ghê”. Những người này bị ‘tố khổ’ cho đến chết bằng nhiều cách rất dã man. Luân thường đạo lý cổ truyền lúc ấy bị đảo lộn, con tố cha, vợ tố chồng, bạn



Một cuộc “đấu tố” trong chiến dịch cải cách ruộng đất của CSBV vào đầu thập niên 1950. Những nạn nhân này phải đòi nợ nơi đâu?

bè tố nhau, thì khó có thể tìm kiếm được một người bạn tâm giao trong hoàn cảnh ghê rợn đó. Và dĩ nhiên những tác phẩm và những con người sản xuất ra tác phẩm trước thời kỳ này, bây giờ bị coi là “*phản động*”, không đứng trên quan điểm lập trường của “*giai cấp vô sản*” thì cũng không thể tồn tại, vì thế họ bị bắt đi trại tập trung và có thể mất mạng trong tù. Và cho đến ngay bây giờ, ở thế kỷ thứ 21 vẫn vậy, nếu có khác chăng thì cũng chỉ khác về hình thức.

Nhưng cũng phải nói thêm rằng, chính những lúc bị lụy, khó khăn nhất trong đời sống, người ta mới tìm được *tình bạn* chân thành đúng nghĩa. Một câu chuyện cảm động, khá nhiều người biết, xảy trong thời Đệ nhất thế chiến: Hai người bạn chí thân trong quân ngũ, một anh bị thương nặng ngoài chiến địa, đang phải nằm chịu đựng đau đớn dưới làn mưa đạn của địch; còn anh kia vẫn đang chiến đấu ở phòng tuyến được thiết lập sau khi rút lui khỏi vùng tử địa; anh biết người bạn của mình đang gặp nguy hiểm, anh đã tức tốc xin vị trung úy chỉ huy mặt trận, được phép ra ngoài để kéo anh bạn bị thương của mình về. Vị trung úy nói ngay với anh rằng,

- “*Tôi nghĩ là anh ấy đã chết. Tôi không muốn mất thêm một người lính nữa. Việc anh tình nguyện tùy thuộc vào tâm tình của anh.*”

Sau đó anh đã băng mình, vượt phòng tuyến đang chịu sức ép rất nặng nề dưới làn mưa đạn dày đặc, đến được vùng tử địa, nơi người bạn đang nằm thoi thóp. Quả đúng như lời tiên đoán của vị chỉ huy, anh cũng đã bị thương nhưng vẫn có hết sức mình, nâng đỡ người bạn của mình về, nhưng được nửa chừng thì người bạn đã vĩnh viễn từ biệt anh. Về đến nơi an toàn, vị trung úy nói:

- “*Tôi đã biết trước như thế.*”

Anh thưa lại với cấp chỉ huy:

- *Không đâu, thưa trung úy. Lúc tôi sờ vào người anh ấy, thì anh ấy còn nói với tôi: “Tao biết thế nào mà cũng đến.”*

Trong cùng thời kỳ nổ ra cuộc Cải cách ruộng Đất ở miền Bắc, thì ở miền Nam nền văn hóa cổ truyền đầy tính nhân bản của dân tộc vẫn được duy trì và đề cao. Vì thế mà trong kho tàng Truyện Cổ Tích có câu chuyện nói về *tình bạn* giữa Lưu Bình và Dương Lễ, đã được nhiều người biết đến. Câu chuyện này rất phổ thông, đến nỗi không chỉ ở trong học đường mà cả ở ngoài đời, có ý khuyên nhủ mọi người hãy tận tâm, tận lực với người bạn của mình; được kể lại như sau:

Lưu Bình và Dương Lễ là hai người bạn chí thân từ khi còn bé. Lưu Bình là con nhà giàu, Dương Lễ là con nhà nghèo. Vì là con nhà giàu cho nên Lưu Bình lúc nào cũng rủng rỉnh tiền bạc, cha mẹ luôn cung cấp đầy đủ, thậm chí dư thừa để cho anh ăn học, tiêu xài thỏa thích. Và cũng vì thế mà Lưu Bình có dịp hào phóng, sẵn sàng chia xẻ túi tiền của mình với người bạn rất thân và rất nghèo, đó là Dương Lễ. Cũng vì sẵn tiền bạc, lại quen thói hào phóng cho nên Lưu Bình không quan tâm nhiều đến việc học hành; trong lúc Dương Lễ vì biết thân phận con nhà nghèo, cho nên quyết chí học, luôn ‘dùi mài kinh sử’ để hy vọng sau này, khi thi đậu, ra làm quan sẽ thay đổi được hoàn cảnh khốn khó của mình. Đúng như mong mỏi, qua nhiều kỳ thi, Dương Lễ đã liên tục đạt được nhiều thành quả mỹ mãn. Anh đã được triều đình bổ nhiệm đi làm quan, có lính hầu cận đêm ngày. Và rồi, anh đã cưới được người vợ rất xinh đẹp, rất nét na, là nàng Châu Long.

Lưu Bình, vì hào phóng, quen thói ‘bốc trời’, tuy không đến nỗi “trăm nghìn đổ một trận cười như không” theo kiểu Thúc Sinh trong truyện Kiều của cụ Nguyễn Du, nhưng vì lười học cho nên anh đã không vượt qua được cửa ải thi cử, một ‘đấu trường’ đầy cam go của các thí sinh trong thời phong-kiến. Có lẽ, vì anh đã ‘phạm trường-quy’ quá nhiều lần, cho nên mỗi lần ‘lều chông’ lên kinh đô dự thi, là một lần “thi không ăn ót thế mà cay”.

Thế rồi ngày nọ qua ngày kia, năm nọ đến năm kia, cuối cùng thì Lưu Bình đã cạn hầu bao, bị rơi vào hoàn cảnh bi

đát, quá túng thiếu, không lối thoát, nhưng vẫn cứ chứng nào tật nấy. Một hôm vì quá ‘bí’, cho nên anh mới nghĩ đến người bạn năm xưa, bây giờ đang làm quan; anh đành phải liều lĩnh vắc ‘mặt mo’ đến gõ cửa nhà ông quan Dương Lễ để xin giúp đỡ.

Nhưng than ôi, quá bẽ bàng! Khi được lính gác vào tàu là có một người tên Lưu Bình đến chơi và có ý xin giúp đỡ, thì ông quan Dương Lễ đã không ra cửa đón tiếp, mà chỉ sai lính hầu ra nói đôi lời khuyên nhủ, an ủi, và cung cấp cho người bạn của mình một ít lương thực, rồi đuổi đi.

Về đến nhà trọ, Lưu Bình suy nghĩ mới thấy thảm thía, và oán hận tình bạn sao mau đổi trắng thay đen. Nhưng sau đó anh liền nghĩ ngay đến quyết tâm, phải trở lại với ‘đèn sách’ để còn có dịp cũng ra làm quan như ai, nhất là để ‘báo thù’ người bạn chí thân năm xưa vừa mới đó mà sao đã chóng quên tình bằng hữu!

Nhưng khôn nổi, bây giờ biết lấy tiền bạc ở đâu mà ăn và học đây!? Giữa lúc đang quẩn trí, bí lối, thì một thiếu nữ xinh đẹp xuất hiện, tìm đến thuê nhà trọ gần nhà trọ của Lưu Bình. Theo đó, anh có dịp làm quen và biết được rằng, nàng có cha mẹ ở xa, và tạm chuyển đến đây để lo chuyện buôn bán, kiếm sống bằng nghề buôn tơ bán lụa.

Vẫn bản chất hào hoa, phong nhã, cho nên Lưu Bình “trước còn nán ná sau ra đá vàng” với người đẹp. Tuy đã ‘phải lòng nhau’, đã thề thốt, nhưng chàng và nàng không dám thoát ra ngoài phong cách con nhà gia giáo thời xa xưa. Mà nàng hứa là chỉ khi nào chàng ăn học thành tài, thi đỗ, ra làm quan thì mới tính đến chuyện “ngựa chàng đi trước, vồng nàng theo sau”. Còn bây giờ, nếu anh “chưa thi đỗ thì chưa động phòng”. Nàng cũng hứa là nàng sẽ tận tảo để nuôi chàng ăn học.

Vững chí miệt mài ‘đèn sách’, lại có người đẹp lo yếm trợ về vật chất lẫn tinh thần, vì thế mà quyết tâm của Lưu Bình đã

tăng lên. Sau thời gian 'lều chõng' lên kinh đô ứng thí, cuối cùng thì sự cố gắng của anh đã được đền bù. Anh đã gặt hái được kết quả mỹ mãn, không khác gì người bạn Dương Lễ trước đây.

Đã đến lúc phải rời kinh đô, thời gian thi thố tài năng đã qua, phải trở về quán trọ. Việc đầu tiên là anh hơn hờ đi tìm và báo tin vui cho người đẹp, người mà anh đã mang ơn, đã giúp anh ăn học thành tài. Nhưng lạ chưa! Người đẹp của anh đã biến đi đâu mất, anh đi khắp vùng mà không tìm thấy. Người đẹp cũng không để lại cho anh một dấu hiệu hay di bút gì từ nào cả. Lưu Bình, một lần nữa lại cảm thấy ngao ngán, thất vọng về tình người. Tuy lần này có khác lần trước, nhưng lần này đã làm anh quá thất thờ, mong nhớ người đẹp không nguôi, tự đặt cho mình nhiều câu hỏi mà không sao trả lời được. Anh đem lời trách cứ 'Con Tạo', đã xoay vần một cách khó hiểu.

Giữa lúc bối rối, thất vọng vì không tìm thấy Châu Long, thì Lưu Bình chợt nghĩ đến việc 'trả thù' người bạn Dương Lễ và anh bèn thực hiện ngay ý định này. Nhưng mục đích và thái độ 'thăm bạn' lần này không như lần trước, mà anh rất ung dung tự tại, đầy tự tin khi đến gõ cửa nhà bạn.

Cũng lạ thật! Khi được biết là có Lưu Bình đến thăm, thì Dương Lễ đã áo mão chỉnh tề, ra tận cổng để nghênh đón người bạn chí thân năm xưa. Lưu Bình được mời vào phòng khách để hàn huyên tâm sự; khác hẳn với lần trước, chỉ được cung cấp lương thực và bị lính đuổi đi, chứ không được gặp mặt Dương Lễ như lần này.

Giữa lúc hai người đang hàn huyên, chờ được thiết đãi đại tiệc, thì nàng Châu Long xuất hiện với khay nước trên tay, nhẹ nhàng vén màn, bước ra sảnh đường. Khi nhìn thấy Châu Long, thì Lưu Bình vừa hoảng hồn, vừa ngạc nhiên; và sau một vài giây bình tâm suy nghĩ, anh chợt hiểu ra thâm ý đầy tình, đầy nghĩa của người bạn Dương Lễ, mà lúc gần đây

mình đã hiểu lầm; thật oan cho người bạn chí thân! Anh cảm thấy ân hận và nghĩ rằng ‘Con Tạo’ xoay vần thật khó hiểu nhưng cũng thật thú vị! Anh cảm ơn ‘Trời’ và cảm ơn ‘Người’. Từ đó tình bằng hữu liên kết giữa hai người bạn, càng trở nên đậm ấm và khăng khít hơn xưa.

Dĩ nhiên, ‘Luu Bình - Dương Lễ’ chỉ là câu chuyện ‘cổ tích’ nói về **tình bạn**, đã một thời được lan truyền trong dân gian Việt Nam. Nhưng không phải là không có thật trong đời sống văn hóa của dân tộc ta. Nhiều chuyện thật, tuy không hoàn toàn giống như thế, nhưng tương tự, đã xuất hiện ở ngoài đời, ở nhiều nơi, nhưng chỉ ở những vùng đất không bị “ánh sáng” Mác-Lênin lừa vào.

* * *

Cách đây không lâu, trong một dịp ‘trà dư tửu hậu’, bù khú với vài thằng bạn cùng khóa, tôi có nhắc lại câu chuyện cổ tích kể trên, thì một thằng bạn ‘mắc zịch’ rất tếu và dễ thương -- mặc dù nó đã thừa biết câu chuyện ‘Luu Bình - Dương Lễ’ như thế nào rồi -- nhưng nó cứ giả vờ như chưa biết, chú ý, mỉm cười có vẻ đều, lắng nghe tôi kể. Đến khi kết thúc câu chuyện, mỗi thằng phải đưa ra một lời ‘bình loạn’, thì nó tức tốc phán một câu cũng hết sức ‘mắc zịch’: “*Cũng may, thời đó Luu Bình không phải là mày, chứ nếu là mày thì thế nào Châu Long cũng sẽ tan nát cuộc đời!*” Tôi chẳng học được gì từ lời phán có vẻ khăng định này từ thằng bạn ‘mắc zịch’ cả, chỉ biết cùng cười với mấy thằng ‘mắc zịch’ khác đang ngồi trà đàm ‘tán gẫu’, ‘chửi bới vung xích chó’. Cứ mỗi lần tán gẫu ‘ba hoa chích choè’ như thế là một lần cười no bụng. Lâu lâu không gặp nhau cũng thấy buồn.

Thật ra, thì tuy không có may mắn được gặp nàng Châu Long để ‘làm hại cuộc đời’, mà nếu có gặp thì chắc cũng không đủ bản lĩnh, hoặc không đủ hào hoa phong nhã như Luu Bình để “đưa nàng zdia zđinh”; nhưng tôi đã làm hại cuộc đời ‘ma femme’. Vì gia cảnh của tôi cũng tương tự như

Dương Lễ, nhưng tôi lại không ‘chí thú’ như Dương Lễ, cho nên sự kết hợp giữa ‘ma femme’ và tôi chẳng qua là vì cái ‘duyên’ cái ‘nợ’ cả đấy thôi! Người đời thường nói như thế.

Cách đây khá lâu rồi, cũng một thằng bạn đồng môn khác, nay đã đi tu -- ngày miền Nam bị “bể zđĩa” vợ con nó ‘zgiot’ đi trước, nó cũng như tôi bị đi tù “cải tạo” nhưng nó ở tù lâu hơn tôi. Tôi vượt biển rồi mới bảo lãnh vợ con, còn nó đi ‘HO’ và được vợ con bảo lãnh -- ngày mới đến San Jose nó ở gần nhà tôi. Một lần nó đạp xe đạp đến thăm tôi; hàn huyên tâm sự, hỏi han nhau về gia đình, về cuộc sống. Chán rồi đến khi ra về, không biết nó coi tướng mạo ‘bả’ và tôi ra sao, từ hồi nào mà nó phán: *“Thật ra thì mày nhờ bả nhiều hơn là bả nhờ mày.”* Tôi cảm ơn và tin lời phán của nó là đúng, vì tôi thường nghe: ‘nhân bảo như thần báo’. Hơn nữa, Albert Camus đã chẳng nói rằng *“con người luôn tồn tại trên một chuỗi những phi lý”* đó sao! Tôi nghĩ là ‘ổng’ nói không sai.

Và tôi cũng thiết nghĩ, tình bạn cũng như tình ‘bạn đời’, nếu muốn tồn tại thì phải chấp nhận những phi lý, ngay cả khi những phi lý không thể chấp nhận được. Trong mỗi cá nhân, hay rộng lớn hơn, trong mỗi gia đình, mỗi tổ chức, mỗi quốc gia..., nói một cách tổng quát là, bất kỳ ở đâu trong cuộc sống của loài người, đều có sự phi lý hiện diện, trong đó con người vẫn cứ phải dựa vào những phi lý đó để tồn tại. Nghĩ như thế, không biết có sai không và không biết là tôi có bị ảnh hưởng bởi Camus?

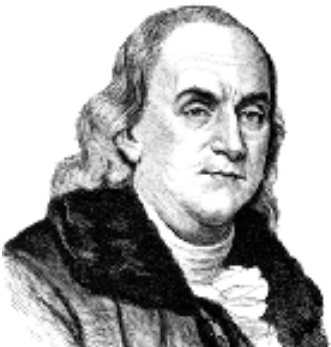
**Ngày 30 tháng 4 đã chẳng phải là một phi lý đó sao!?
Cứ suy nghĩ đi! Ngày mà thằng nhà nghèo đi “giải phóng”
thằng nhà giàu, ngày mà chế độ man rợ đi “giải phóng”
chế độ văn minh, ngày mà cái ác đi “giải phóng” cái thiện...
Một sự phi lý vĩ đại, phải không?!**

Thế mà đã hơn 42 năm qua và có thể còn lâu hơn nữa, hơn 90 triệu con người vẫn phải chịu đựng những phi lý, mà hình như mọi giải pháp -- nhằm đem lại sự công bình *“cái gì của*

César thì phải trả lại cho César” -- đã từ lâu được nói đến, đều vô hiệu! Thậm chí còn bị phản ứng ngược! Thật là lạ! Thật là phi lý!

Đi tìm hiểu nguyên nhân của sự phi lý này thì thấy rằng, nó bắt nguồn từ *tình bạn giữa “bác Hồ” và “bác Mao”!!!* Khốn nạn cho dân mình thật! Chỉ một chút *tình bạn* giữa hai “*bác*” mà cả dân tộc bị khốn đốn! Thật là phi lý! Nhưng lại càng phi lý hơn nữa, **từ khi biết Hồ Chí Minh chỉ là một người Tàu gốc Họ, có tên là Hồ Quảng giả hình, thế mà nó đã và vẫn đang được trang trọng ‘tôn thờ’!?** Thế có lạ không? Thật là phi lý!

Đi tìm một giải pháp để ‘vô hiệu hóa’ những phi lý trong cuộc đời này, thật là khó! Rất khó! Một tên cướp đã xông vào nhà mình với vũ khí trong tay.



**Tổng Thống Hoa Kỳ
Benjamin Franklin
(1706 - 1790)**

Trước hết, khi sự kiện này xảy ra thì phải nói ngay là lỗi tại mình, vì mình quá dờ, quá kém cỏi, mình không bao giờ nghĩ là sự kiện như thế sẽ xảy ra, vì thế mình đã không dự trù kế hoạch đối phó, vì chẳng ai học được chữ ngờ! Nói một cách dễ hiểu là, mình đã không có khả năng tự bảo vệ mình. Lại càng dờ hơn nữa, một khi tên cướp đã vào nhà rồi, mà mình vẫn không có cách nào đẩy nó ra! Đã thế, những thân quyến trong nhà lại còn xào xáo lẫn nhau, đổ lỗi cho nhau, nghi kỵ lẫn nhau, chửi bới lẫn nhau trước mặt tên cướp. Tên cướp cười thầm, ung dung tiến vào những nơi bí mật, đi tới đi lui thành thạo như người trong nhà, vợ vét của cải, và bước ra khỏi nhà với ‘chiến lợi phẩm’ đầy túi! Thật là phi lý! Phải chăng, sự phi lý đó xuất phát từ một *tình bạn* nào đó giữa một thân quyến trong nhà với tên cướp kia, nó đã có chủ đích từ lâu!? -Thật khó khăn và thật phi lý, nhưng dù sao thì cũng là

lỗi tại mình.

Ông Benjamin Franklin (1706-1790), một trong những người nổi tiếng thành lập đất nước Hoa Kỳ, người đầu tiên thành lập bản Tuyên Ngôn Độc Lập, và bản Hiến Pháp Hoa Kỳ, một chính trị gia lỗi lạc, một nhà ngoại giao nổi tiếng. Ông cũng là nhà khoa học có nhiều phát minh rất giá trị và hữu ích cho đời sống, như: cột thu lôi, bếp lò, kính đeo mắt hai tròng và một vài thứ khác nữa. Khi đề cập đến *tình bạn*, ông khuyên mọi người là:

“Hãy chậm rãi khi chọn bạn và hãy chậm rãi hơn nữa khi thay bạn.”

Người Mỹ hay nói chung là cả nước Mỹ thật may mắn, trong những ngày đầu, khi thành lập đất nước Hoa kỳ, đã có được người thầy, người bạn như Franklin. Ngày nay, những người Mỹ gốc Việt cũng đang có Franklin, nhưng chúng ta đang nghĩ gì về *tình bạn*?

